

Số: 04/2020/QĐST-KDTM

Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ khoản 3 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 306 Luật thương mại năm 2005.

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 17/6/2020 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 07/2020/TLST-KDTM ngày 15/01/2020.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện. Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Tổng công ty C

Địa chỉ: 58 đường C, phường 2, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Thế P – Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Tô Tử H – Phó giám đốc Cảng hàng không Quốc tế N -Chi nhánh Tổng công ty C

Bị đơn: Công ty TNHH A

Địa chỉ: 118 đường H, phường N, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Ngọc T – Giám đốc.

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Công ty TNHH A xác định còn nợ Tổng công ty C số tiền do chấm dứt hợp đồng đào tạo số 453/HĐĐT/ACV-AI/2016 ngày 08/11/2016 là:

- Nợ gốc tính đến ngày 17/6/2020: 166.600.000 đồng

- Nợ lãi tính đến ngày 30/5/2019 là: 33.573.918 đồng (Tổng công ty C miễn trừ cho Công ty TNHH A không phải trả tiền lãi từ 31/5/2019 cho đến 17/6/2020).

*Tổng cộng: 200.173.918 đồng (Hai trăm triệu, một trăm bảy mươi ba nghìn, chín trăm mười tám đồng).

2. Các bên đương sự thống nhất về phương án trả nợ như sau:

- Đợt 1: Chậm nhất ngày 30/6/2020, Công ty TNHH A trả Tổng công ty C số tiền nợ gốc là: 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

- Đợt 2: Chậm nhất ngày 30/9/2020, Công ty TNHH A trả Tổng công ty C số tiền nợ gốc là: 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

- Đợt 3: Chậm nhất ngày 30/10/2020, Công ty TNHH A trả Tổng công ty C số tiền nợ gốc là: 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

- Đợt 4: Chậm nhất ngày 31/12/2020, Công ty TNHH A trả Tổng công ty C số tiền nợ gốc: 16.600.000 đồng và nợ lãi là: 33.573.918 đồng. Tổng cộng là: 50.173.918 đồng (Năm mươi triệu, một trăm bảy mươi ba nghìn, chín trăm mười tám đồng).

Nếu Công ty TNHH A vi phạm bất kỳ một đợt thanh toán nào theo cam kết trên (không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ) thì Tổng công ty C có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền thi hành án đối với Công ty TNHH A trả toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi chưa thanh toán và tiền nợ lãi quá hạn trên toàn bộ số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất là 10%/năm tính từ ngày vi phạm cam kết trả nợ nêu trên cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ gốc. Ghi nhận sự tự nguyện của Tổng công ty C không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền lãi quá hạn do chậm thi hành án.

3. Án phí: Công ty TNHH A tự nguyện chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 5.004.347 đồng (năm triệu, không trăm linh tư nghìn, bốn trăm ba mươi bảy đồng). Trả lại Tổng công ty C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 6.300.000 đồng (sáu triệu, ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2018/0003208 ngày 13/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cầu Giấy.

Ngoài ra các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết bất kỳ vấn đề gì khác.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận Cầu Giấy;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Chu Tuấn Anh